

Số: 36/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 10 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 491/TTr-UBND ngày 06/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2021 như sau:

1. Điều chỉnh tên và diện tích các dự án đã được phê duyệt tại các Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, Nghị quyết số 30/NQ-HĐ ngày 07/12/2018, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Tổng số 57 dự án (trong đó: 35 dự án điều chỉnh diện tích; 11 dự án điều chỉnh tên; 11 dự án điều chỉnh tên và diện

tích), tổng diện tích là 479,7 ha (Diện tích đất lúa: 288,7 ha; diện tích đất khác: 191,0 ha); diện tích chuyên mục đích sử dụng đất lúa: 177,3 ha.

(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo).

2. Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

2.1. Bổ sung các dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên: Tổng số 11 dự án, tổng diện tích 628,5 ha; trong đó: Diện tích đất lúa: 483,1 ha; diện tích đất khác: 145,5 ha.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo).

2.2. Bổ sung các dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha theo điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số 69 dự án tổng diện tích 241,6 ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa 151,6 ha; diện tích đất khác: 90 ha.

(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo).

2.3. Bổ sung các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha theo điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 nhưng không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất hoặc đất quốc phòng, an ninh thu hồi theo Điều 61 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số 10 dự án, tổng diện tích đất trồng lúa 25,4 ha.

(Chi tiết có biểu số 04 kèm theo).

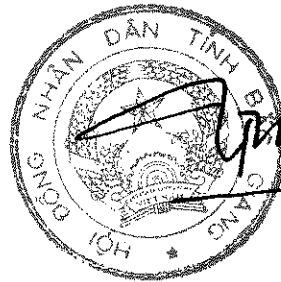
**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khoá XIX, Kỳ họp thứ 3 thông qua. /

Nơi nhận: /

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Huyện uỷ, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

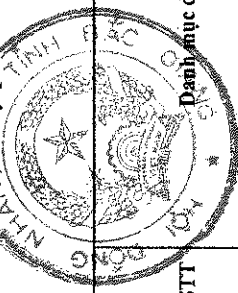


Lê Thị Thu Hồng

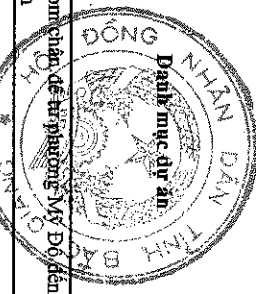
**CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TÊN VÀ DIỆN TÍCH TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 30/NQ-HĐND NGÀY 7/12/2018, NGHỊ QUYẾT SỐ 25/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2014; NGHỊ QUYẾT SỐ 33/NQ-HĐND NGÀY 11/12/2015; NGHỊ QUYẾT SỐ 08/NQ-HĐND NGÀY 09/7/2020, NGHỊ QUYẾT SỐ 46/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2020 VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 20/NQ-HĐND NGÀY 10/8/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )			Căn cứ pháp lý
			Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		
<b>A</b>	<b>CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH</b>									
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>									
1	Khu dân cư dọc 2 bên đường giao thông từ khu vực NVH thôn Sầu đi thôn Thanh Mai	P. Đa Mai	90.700,0	86.400,0		4.300,0	86.400,0			Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 76.400 m <sup>2</sup>
2	HTKT điểm dân cư thôn Ngươn 2, xã Dĩnh Trì	X. Dĩnh Trì	49.900,0	45.600,0		4.300,0	45.600,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; bổ sung diện tích thu hồi 16.900 m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích CMD đất lúa 5.600 m <sup>2</sup>
3	Khu số 1 KĐT cạnh trường cao đẳng Việt Hàn	X. Dĩnh Trì	110.500,0	97.000,0		13.500,0				Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; bổ sung diện tích CMD đất lúa 27.000 m <sup>2</sup>
4	Dự án HTKT Khu dân cư phố Cốc 1 (tổng quy mô 4,7 ha)	X. Dĩnh Trì	47.000,0	6.000,0		41.000,0	6.000,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích CMD đất lúa 6.000 m <sup>2</sup>
5	HTKT khu dân cư thôn Yên Khê (giai đoạn 2), xã Song Khê	X. Song Khê	49.000,0	49.000,0		0,0	49.000,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích thu hồi 100m <sup>2</sup> ; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 100 m <sup>2</sup>
6	HTKT khu dân cư Song Khê 1, xã Song Khê (giai đoạn 2)	X. Song Khê	49.400,0	35.000,0		14.400,0	35.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích thu hồi 3.400 m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích CMD đất lúa 15.000 m <sup>2</sup>
7	HTKT khu dân cư thôn Yên Khê, xã Song Khê	X. Song Khê	49.000,0	47.000,0		2.000,0	47.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích CMD đất lúa 18.000 m <sup>2</sup>
8	HTKT Khu dân cư đường Lư Giang, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang	X. Tân Mỹ	45.700,0	44.000,0		1.700,0	44.000,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 10.000 m <sup>2</sup>
9	HTKT điểm dân cư thôn Phúc Thương (giai đoạn 2)	X. Song Khê	15.000,0	15.000,0		0,0	15.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích thu hồi 2.300 m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích CMD đất lúa 4.200 m <sup>2</sup>
10	Cum công nghiệp xã Dĩnh Trì	X. Dĩnh Trì	98.000,0	70.000,0		28.000,0	70.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; bổ sung diện tích thu hồi 29.300 m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích CMD đất lúa 40.000 m <sup>2</sup>
11	Đường nối từ Cụm công nghiệp Bãi Ói đến đường gom Quốc lộ 1A, thành phố Bắc Giang	X. Dĩnh Trì	27.000,0	23.900,0		3.100,0	23.900,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; bổ sung diện tích CMD đất lúa 3.900 m <sup>2</sup>
12	Xây dựng đường vành đai Khu Đông Bắc thành phố (đoạn từ QL.1A qua phường Dĩnh Kế đến tỉnh lộ 295B).	P. Dĩnh Kế, Xương Giang	57.000,0	23.000,0		34.000,0	23.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích thu hồi 7.000 m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích CMD đất lúa 13.000 m <sup>2</sup>

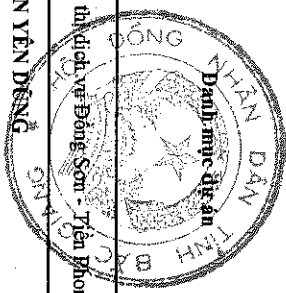


STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )					Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )			Cơ sở pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			
13	Dương gon chôn cất tại phường Mỹ Đô đến xã Đông Sơn	68.000,0	24.000,0		44.000,0	24.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích	
14	Đường qua UBND xã Tân Tiến (cũ) từ TL293 đến đê sông Thuong), thành phố Bắc Giang	12.000,0	9.200,0		2.800,0	9.200,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 200 m <sup>2</sup>	
15	Cải tạo, mở rộng nút giao giữa ĐT293 với đường dẫn lên cầu Đông Sơn	119.700,0	50.000,0		69.700,0	50.000,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 20.000 m <sup>2</sup>	
16	Xây dựng mới số ga rúc trên địa bàn thành phố (giai đoạn 2)	2.600,0	2.600,0		0,0	2.600,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 2.600 m <sup>2</sup>	
17	Trạm tăng áp, trung tâm R&D và phục hợp phòng thí nghiệm quốc gia, khu văn phòng và trụ sở chính DNP-water (Dự án nhà máy nước sạch DNP)	45.200,0	36.900,0		8.300,0	36.900,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 28.600m <sup>2</sup>	
18	HTKT điểm dân cư thôn Nguyễn 3	37.800,0	30.000,0		7.800,0	30.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; Bổ sung diện tích thu hồi đất 1.800m <sup>2</sup>	
19	Khu đô thị mới Thành Trung - Cầu, xã Đình Trĩ, thành phố Bắc Giang	90.000,0	80.000,0		10.000,0	80.000,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 30.000m <sup>2</sup>	
20	Khu đô thị Trung tâm xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang	101.900,0	90.000,0		11.900,0	90.000,0			Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích thu hồi 1.900m <sup>2</sup> , diện tích chuyển mục đích đất lúa 40.000 m <sup>2</sup>	
21	Xây dựng trụ sở làm việc, kho vật dụng Cục thi hành án dân sự Tỉnh và Chi cục thi hành án	1.000,0	1.000,0		0,0	1.000,0			Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh; bổ sung diện tích CMBĐ 1000m <sup>2</sup>	
22	Trụ sở viên kiểm sát nhân dân tỉnh (đá thu hồi chưa chuyển mục đích)	17.400,0			17.400,0				NQ 25/NQ-HĐND ngày 11/12/2014; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh; đăng ký lại diện tích chưa chuyển mục đích	
23	HTKT khu dân cư cạnh cụm công nghiệp Bãi Ồi	3.000,0			3.000,0				Nghị quyết số 30/NQ-HĐ ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh; đăng ký lại diện tích chưa chuyển mục đích	
24	Khu số 3 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	8.500,0			8.500,0				Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang; điều chỉnh diện tích chuyển mục đích đất lúa còn lại	
25	Hệ thống tiêu thoát nước và giao thông khu A, B thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (tổng quy mô 39.93 ha)	399.300,0	90.000,0		309.300,0	90.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; Bổ sung diện tích thu hồi đất 2.79.300m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 60.000m <sup>2</sup>	
26	Dự án phía Nam, Khu đô thị số 22 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang (Trong đó thành phố có 26,51 ha, Yên Dũng 3,09 ha)	265.100,0	191.700,0		73.400,0				Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích thu hồi đất 248.300 m <sup>2</sup> ; bổ sung diện tích chuyển mục đích đất lúa 83.500 m <sup>2</sup>	
27	Dự án phía Bắc, Khu đô thị số 22 thuộc phân khu số 2, thành phố Bắc Giang (Trong đó thành phố có 39,25ha, Yên Dũng có 5,55 ha)	392.500,0	239.800,0		152.700,0					



STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )		Căn cứ pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
<b>II HUYỆN YÊN DŨNG</b>								
28	Khu dân cư thôn Huyện, xã Yên Dũng	Xã Tiến Dũng	44.000,0	43.000,0	1.000,0	43.000,0		NQ 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 (bổ sung thêm 0,3 ha lúa so với cũ)
29	Khu sinh thái khe dầu	TT Nham Biền	419.000,0	1.000,0	418.000,0	1.000,0		NQ 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (bổ sung thêm 5,4 ha đất khác)
30	Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Xã Đức Giang	2.000,0	2.000,0	2.000,0			NQ 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 (bổ sung thêm 0,1 ha so với cũ)
<b>III HUYỆN LỤC NAM</b>								
31	Đất dân cư gần trường mầm non Hoa Sen và đất xen kẹt	TT Đồi Ngó	1.200,0	1.200,0	1.200,0	0,0		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh (chuyển từ đất lúa sang đất khác, tăng diện tích)
32	Mở rộng nhà thờ Thanh Giá	xã Tam Dị	500,0	500,0	500,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh (chuyển từ đất lúa sang đất khác)
33	Chuyển từ đất nhà văn hóa, đất truyền dân năng lượng và đất trồng cây lâu năm (Thôn Mỹ Sơn), đất bằng chưa sử dụng (Thôn Hồ Trúc) sang đất ở	xã Cẩm Lý	2.000,0	2.000,0	2.000,0			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh (bổ sung thêm đất bằng chưa sử dụng)
34	Xây dựng đền Thần Nông	xã Cẩm Lý	40.000,0	40.000,0	40.000,0			Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh (chuyển từ đất lúa sang đất khác)
<b>IV HUYỆN VIỆT YÊN</b>								
35	Khu dân cư mới Đông Bắc thị trấn Bích Động	Thị trấn Bích Động	155.000,0	96.500,0	58.500,0	96.500,0		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, điều chỉnh diện tích đất lúa thu hồi chuyển mục đích thêm 1.500 m <sup>2</sup> (đưa nhằm vào Biểu của Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021)
<b>TỔNG</b>			<b>2.915.900,0</b>	<b>1.527.600,0</b>	<b>1.388.300,0</b>	<b>1.001.100,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>B CÁ DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TÊN</b>								
<b>I THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>								
36	Tạo quỹ đất sạch đất giá QSD đất Khu dân cư phía Nam thôn Song Khê 2, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang	X. Song Khê	43.900,0	35.000,0	8.900,0	35.000,0		Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án theo danh mục đầu tư công
37	Tạo quỹ đất sạch đất giá QSD đất Khu dân cư thôn Phó, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang (Tên cũ: Khu dân cư thôn Phó, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang)	X. Tân Mỹ	26.400,0	8.300,0	18.100,0	8.300,0		Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án
38	Dự án xây dựng đường dẫn Cầu Á Lữ thành phố Bắc Giang (Tên cũ: Dự án xây dựng đường dẫn Cầu Á Lữ)	P. Trần Phú, Mỹ Độ	23.400,0	1.633,1	21.766,9	1.633,1		Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án bổ sung thành phố Bắc Giang

STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )					Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )			Căn cứ pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			
39	Khu đô thị dịch vụ Đông Sơn - Tiền Phong	473.300,0	368.800,0		104.500,0				Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án	
<b>II HUYỆN YÊN DẰNG</b>										
40	Khu dân cư thôn Tây, thôn Nhất (Khu dân cư mới xã Cảnh Thụy - Tư Mại; xã Cảnh Thụy và TT Neo; khu dân cư mới xã Cảnh Thụy)	100.000,0	89.000,0		11.000,0		89.000,0		NQ 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; NQ 08/NQ-HĐND; điều chỉnh lại tên dự án	
41	Khu dân cư Phường Hưng, Hưng Thịnh (KDC mới Cảnh Thụy - Tư Mại; KDC mới xã Tư Mại)	123.000,0	98.000,0		25.000,0		98.000,0		NQ 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; điều chỉnh lại tên dự án	
42	Bệnh viện y học cổ truyền	6.500,0			6.500,0				NQ 08/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 tên Đất y tế (Công ty TNHH Dược phẩm, vật tư và thiết bị y tế Hợp Nhất); điều chỉnh lại tên dự án	
<b>III HUYỆN LỤC NAM</b>										
43	Khu đô thị Đông Chùa 2, TT Đồi Ngò	98.000,0	88.000,0		10.000,0		88.000,0		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh (bổ sung thêm xã Chu Điện)	
44	Khu dân cư số 1 (tên trước là Đất ở nông thôn thôn Dầm Chùa, thôn Dầm Đình (Bên phải quốc lộ 37 theo hướng đi Đồi Ngò)	28.800,0	28.800,0		0,0		28.800,0		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; Điều chỉnh lại tên dự án	
<b>IV HUYỆN VIỆT YÊN</b>										
45	Đường kết nối đường vành đai thị trấn Bích Động với đường vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang	145.000	98.000		47.000		98.000		Nghị Quyết 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021, trong Nghị quyết này còn thiếu xã Hồng Thái để nghị bổ sung thêm địa điểm xã Hồng Thái	
46	Dự án cải tạo nâng cấp trạm bơm Trúc Núi	10.000	8.000		2.000		8.000		Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 nhưng do ghi nhầm địa chỉ sử dụng đất, nay đề nghị ghi lại	
<b>TỔNG</b>		<b>11</b>	<b>1.078.300,0</b>	<b>823.533,1</b>	<b>0,0</b>	<b>254.766,9</b>	<b>454.733,1</b>			
<b>C CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TÊN VÀ DIỆN TÍCH</b>										
<b>I THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>										
47	HTKT Khu dân cư cạnh đường Bà Triệu, thành phố Bắc Giang (Tên cũ: Khu dân cư cạnh đường Bà Triệu, thành phố Bắc Giang)	P. Mỹ Độ, X. Tân Mỹ	115.000,0	98.000,0	17.000,0		98.000,0		Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án; giảm diện tích thu hồi 15.000m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích CMD đất lúa 8.000 m <sup>2</sup>	



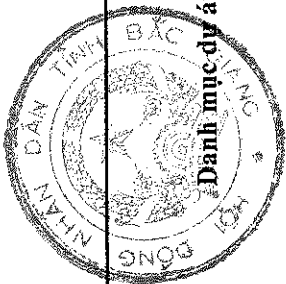
STT	Đanh mục dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )		Căn cứ pháp lý
			Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
48	KDC xã Đông Cửa Tru, thôn Nguyễn, xã Đình Trì	X. Đình Trì	31.280,0	30.000,0		1.280,0	30.000,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; sửa tên dự án; điều chỉnh giảm diện tích thu hồi 720m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích đất lúa 8.000m <sup>2</sup>	
49	HTK khu dân cư thôn Đông Sơn, xã Đông Sơn (Tên cũ: Hạ tăng kỹ thuật điểm dân cư thôn Đông Sơn xã Đông Sơn)	X. Đông Sơn	35.000,0	32.000,0		3.000,0	32.000,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án, bổ sung diện tích CMD đất lúa 7.000m <sup>2</sup>	
50	Xây dựng đường dẫn lên cầu Á Lữ đến đường gom Quốc lộ 1A	P. Mỹ Độ, xã Song Khê, xã Đông Sơn	47.000,0	47.000,0		0,0	47.000,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; sửa tên dự án điều chỉnh giảm diện tích thu hồi 8.000 m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích đất lúa 22.000 m <sup>2</sup>	
51	Dự án xây dựng Cầu Á Lữ và đường dẫn phía Tây	P. Trần Phú, Mỹ Độ	10.100,0			10.100,0		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tách thành 2 dự án: Dự án xây dựng đường dẫn Cầu Á Lữ thành phố Bắc Giang và Dự án xây dựng Cầu Á Lữ và đường dẫn phía Tây	
52	HTK khu số 5, 9 thuộc khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang	X. Tân Tiến, P. Đình Ké	436.700,0	220.000,0		216.700,0		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án, bổ sung diện tích thu hồi đất 41.700m <sup>2</sup> , bổ sung diện tích chuyển mục đích 41.700m <sup>2</sup>	
53	Xây dựng cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh và sửa chữa ô tô (công ty TNHH MTV Tuyên Mỏ)	X. Đình Trì	1.995,0			1.995,0	1.995,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; điều chỉnh tên dự án; điều chỉnh giảm diện tích chuyển mục đích đất lúa 1.005 m <sup>2</sup>	
<b>II HUYỆN YÊN DŨNG</b>									
54	Nhà văn hóa thôn Yên Tập Bến	Xã Yên Lư	3.700,0	3.700,0			3.700,0	NQ 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 đổi tên Yên Tập Bắc, thành Yên Tập Bến (bổ sung thêm 700 m <sup>2</sup> so với cũ)	
55	Khu dân cư thôn Hạ, Tiên La	Thôn Hạ, thôn Đường, xã Đức Giang	19.000,0	15.000,0		4.000,0	15.000,0	NQ 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 tên là đất ở thôn Hạ, Tiên La nay đổi thành KDC thôn, Hạ, Tiên La (bổ sung thêm 0,5 ha lúa so với cũ)	
56	Khu đô thị số 2, thị trấn Nham Biền	TT Nham Biền	95.900,0	85.900,0		10.000,0	85.900,0	NQ 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 thuộc 2 danh mục là Khu 1, khu 2 Khu đô thị số 2, nay đổi tên thành Khu đô thị số 2 (Bổ sung thêm 0,12 ha đất lúa so với cũ)	
<b>III HUYỆN LỤC NAM</b>									
57	Bãi rác xã Tam Dị	xã Tam Dị	7.000,0	4.000,0		3.000,0	4.000,0	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh, đổi tên và bổ sung thêm 1000m <sup>2</sup> đất khác)	
<b>TỔNG</b>			<b>802.675,0</b>	<b>535.600,0</b>	<b>0,0</b>	<b>267.075,0</b>	<b>317.595,0</b>	<b>0,0</b>	
<b>TỔNG TOÀN TỈNH</b>			<b>4.796.875,0</b>	<b>2.886.733,1</b>	<b>-</b>	<b>1.910.141,9</b>	<b>1.773.428,1</b>	<b>-</b>	



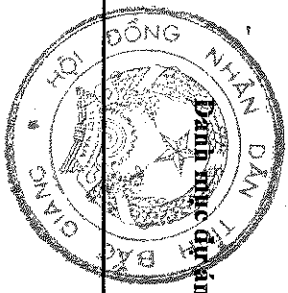


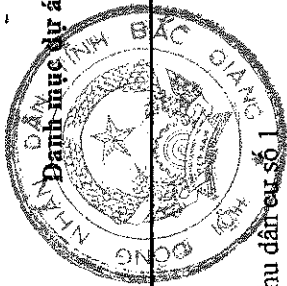
**CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA TỪ 10 HA TRỞ LÊN;  
DIỆN TÍCH ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG TỪ 20 HA TRỞ LÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh)*



STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Cơ sở pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>					
1	Khu đô thị dịch vụ sinh thái cao cấp, thông minh phía Nam thành phố Bắc Giang (tên cũ : Khu đô thị kết hợp vui chơi giải trí sân golf phía Đông Nam, thành phố Bắc Giang)	3.067.000,0	1.900.000,0		1.167.000,0	Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND thành phố Bắc Giang phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; (Đổi tên dự án); Thông báo Kết luận số 535/TB-KL ngày 28/9/2021 của Thường trực Tỉnh ủy và việc nhất trí đề xuất danh mục thu hút đầu tư
<b>II</b>	<b>HUYỆN VIỆT YÊN</b>					
2	Khu đô thị Bích Động - Tự Lạn, thị trấn Bích Động và xã Tự Lạn, huyện Việt Yên	330.000	264.000		66.000	Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang và việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị Bích Động - Tự Lạn, thị trấn Bích Động và xã Tự Lạn, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500).
3	Khu đô thị số 1 xã Tự Lạn, huyện Việt Yên	238.000	190.400		47.600	Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang và việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị số 1 Tự Lạn, xã Tự Lạn, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/500)

STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Căn cứ pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	
4	Khu đô thị Thái Hà (Khu 1) 	xã Tăng Tiến	300.000,0	300.000,0		Nghị Quyết 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất rừng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2021
5	Khu đô thị Thái Hà (Khu 2)	xã Tăng Tiến	111.000,0	111.000,0		Nghị Quyết 20/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất rừng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2021.
<b>III HUYỆN LỤC NAM</b>						
6	Khu dân cư số 3	xã Yên Sơn	610.000,0	579.000,0	31.000,0	Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục cần thu hồi đầu tư
7	Khu dân cư số 5	xã Yên Sơn, Khám Lạng, Bắc Lũng	588.500,0	566.500,0	22.000,0	Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục cần thu hồi đầu tư
8	Khu đô thị số 2	Thị trấn Đồi Ngô	300.000,0	270.000,0	30.000,0	Thông báo Kết luận số 485/TB-KL ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc kết luận phiên giao ban Chủ tịch và các phó chủ tịch UBND tỉnh (về việc nhất trí danh mục dự án khu dân cư khu đô thị cần thu hồi đầu tư)

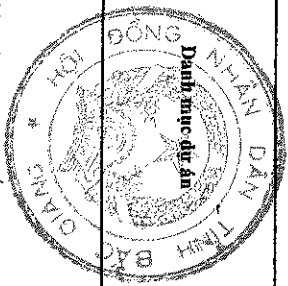
STT	Đánh-mục-dự-án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Căn cứ pháp lý
			Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	
9	 Khu dân cư số 1	Chu Điện	300.000,0	285.000,0		15.000,0	Thông báo Kết luận số 485/TB-KL ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc kết luận phiên giao ban Chủ tịch và các phó chủ tịch UBND tỉnh (về việc nhất trí danh mục dự án Khu dân cư khu đô thị cần thu hút đầu tư
10	Khu dân cư số 4	Lan Mẫu	198.300,0	146.000,0		52.300,0	Thông báo Kết luận số 485/TB-KL ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc kết luận phiên giao ban Chủ tịch và các phó chủ tịch UBND tỉnh (về việc nhất trí danh mục dự án khu dân cư khu đô thị cần thu hút đầu tư
IV	HUYỆN LẠNG GIANG						
11	Khu số 1, thuộc khu dân cư trung tâm xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng	242.600	219.000		23.600,0	Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Lạng Giang; Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Danh mục dự án cần thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
	<b>TỔNG</b>	<b>11</b>	<b>6.285.400,0</b>	<b>4.830.900,0</b>	<b>0,0</b>	<b>1.454.500,0</b>	



**CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG  
VÀO CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND TỈNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh)*

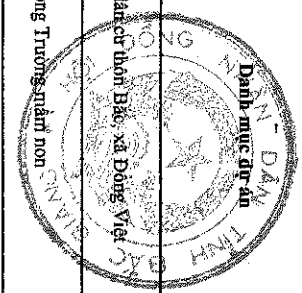
STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )			Cơ sở pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>								
1	Khu dân cư số 3, số 4 phía Bắc thuộc Khu đô thị phía Tây Nam, thành phố Bắc Giang	130.900,0	99.000,0		31.900,0	99.000,0		Quyết định số: 1131/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục dự án có sử dụng đất cần thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh	
2	HTKT khu dân cư mới thôn Đông Sau, xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang	34.100,0	26.100,0		8.000,0	26.100,0		Quyết định số 3179/QĐ-UBND của UBND thành phố ngày 16/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung "Dự án đầu tư xây dựng công trình HTKT khu dân cư mới thôn Đông Sau, xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang";	
3	HTKT khu dân cư thôn Đông Sau, xã Đông Sơn (giai đoạn 2)	36.000,0	32.000,0		4.000,0	32.000,0		Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND TP. Bắc Giang "Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình HTKT khu dân cư thôn Đông Sau, xã Đông Sơn (giai đoạn 2)"	
4	Khu dân cư số 2, Khu phía Bắc thuộc Khu đô thị Tây Nam, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	26.400,0	11.800,0		14.600,0	11.800,0		Quyết định 436/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện và bổ sung thời gian hoạt động của dự án.	
5	Cải tạo hồ Liêm Xuyên	700,0			700,0			Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND TPBG "Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025"	
6	Xây dựng trạm xử lý nước thải phường Đa Mai	8.000,0	8.000,0		0,0	8.000,0		Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND TPBG "Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025"	
7	Trường phổ thông ngoài công lập	28.000,0	28.000,0			28.000,0		Thông báo số 89-TB/VPTU ngày 04/8/2021 về kết luận của Trường trực Thành ủy tại hội nghị giao ban ngày 02/8/2021 (Tạo quỹ đất sạch)	
<b>TỔNG</b>		<b>264.100,0</b>	<b>204.900,0</b>	<b>0,0</b>	<b>59.200,0</b>	<b>204.900,0</b>	<b>0,0</b>		
<b>II</b>	<b>HUYỆN LẠNG GIANG</b>								
8	Khu dân cư thôn Rường Cai 2 (giai đoạn 2)	26.500	25.600		900	25.600		Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Rường Cai, xã Đào Mỹ tỷ lệ 1/500; số 839/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình xây dựng năm 2021 và số 7423/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu tư địa quyền sử dụng đất Khu Rường Cai 2 (giai đoạn 2)	




STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )					Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )		Căn cứ pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		
9	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Voi	109.600	78.500		31.100	78.500		Quyết định số 462/TTg-NN ngày 10/4/2018 của Thủ tướng CP về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án tên địa bàn huyện Lang Giang, số 756/QĐ-UBND ngày 16/5/2015 về chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Voi, huyện Lang Giang và số 200/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 về điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Voi, huyện Lang Giang và số 158/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh về điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án khu đô thị mới phía Tây Thị trấn Voi, huyện Lang Giang.	
10	Khu đô thị số 5, xã Thái Đào	94.000	90.000		4.000	90.000		Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân đô thị số 5, xã Thái Đào tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 70/NQ-UBND ngày 18/8/2021 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư nhóm B do huyện quản lý	
11	Khu dân cư Đông Nam ngã 5 thị trấn Kép, huyện Lang Giang	25.300	17.479		7.821	17.479		Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Lang Giang; Thông báo số 396-TB/TU ngày 04/7/2021 của Thường trực tỉnh ủy về danh mục dự án các khu dân cư, khu đô thị cần đầu tư	
12	Dự án: Tuyến đường Vành đai phía Bắc huyện Lang Giang (đoạn thị trấn Kép đi DT292)	280.000	99.000		181.000	99.000		Nghị quyết số 44/NB-UBND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư công và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số đầu tư xây dựng UBND huyện quản lý và số 4450/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 về việc phê duyệt dự án tuyến đường vành đai phía Bắc huyện Lang Giang (đoạn thị trấn Kép đi DT 292)	
13	Dự án: Làm mới đường nối đường gom cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn với đường vành đai TP Bắc Giang	16.000	15.000		1.000	15.000		Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 và số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của UBND xã Tân Đình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình xây dựng cơ bản xã Tân Đình năm 2021	
14	Dự án: Tuyến đường trục từ thị trấn Voi đi đường Nghĩa Hưng - Tiên Lục - Dương Đức	135.000	99.000		36.000	99.000		Nghị quyết số 09/NB-UBND ngày 23/3/2021 của HĐND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án và Quyết định số 4092/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án: Tuyến đường trục từ thị trấn Voi đi đường Nghĩa Hưng - Tiên Lục - Dương Đức	
15	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã từ QL 31 về thôn Mỹ	2.000			2.000			Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND xã Thái Đào về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường trục xã từ QL 31 về thôn Mỹ	
16	Cải tạo, nâng cấp đường Gió đi Mỹ Thái - Dương Đức	300			300			Quyết định số 8691/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường Gió đi Mỹ Thái - Dương Đức	
17	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ xã Thái Đào	29.000	28.000		1.000	28.000		Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 10/4/2021 của UBND xã Thái Đào về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình xây dựng cơ bản xã Thái Đào năm 2021	
18	Dự án: Xây dựng trường Tiểu học và trường THCS xã Thái Đào	40.000	38.000		2.000	38.000		Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 10/4/2021 của UBND xã Thái Đào về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình xây dựng cơ bản xã Thái Đào năm 2021	
19	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ xã Tiên Lục	40.000	38.000		2.000	38.000		Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND xã Tiên Lục về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Đảng ủy -HĐND-UBND xã Tiên Lục	

STT	Địa điểm	Diện tích thu lợi (m <sup>2</sup> )				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )			Căn cứ pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
20	Xây dựng Trường THCS Tiên Lạc	26.500	26.500	0	0	26.500	0	Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND xã Tiên Lạc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
21	Dự án xây dựng công trình (Cải tạo, nâng cấp nhà quản lý Trạm bơm tưới Xuân Hương 2	1.000	1.000		0	1.000		Quyết định số 313/QĐ-SNN ngày 27/4/2021 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch tu bổ, sửa chữa công trình và cơ điện năm 2021 và số 58/QĐ-BST ngày 26/02/2021 của Công ty TNHH MTV KT CTTL Bắc Sông Thương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Xuân Hương 2	
22	Dự án: Xứ lý sạt trượt kênh Giữa từ K20+00 đến K20+270 (BT)	1.000	0		1.000	0		Quyết định số 313/QĐ-SNN ngày 27/4/2021 Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh phê duyệt kế hoạch tu bổ, sửa chữa công trình và cơ điện năm 2021	
23	Dự án: Xây dựng Trường mầm non Tân Thanh	23.600	22.000		1.600	22.000		Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Chủ tịch UBND xã Tân Thanh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình xây dựng trường mầm non Tân Thanh	
24	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang	5.700	5.700		0	5.700		Quyết định số 104/QĐ-VKSTC ngày 26/7/2021 về chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang	
25	Dự án: Mở rộng đường trục xã từ thôn Chùa đến nhà văn hoá thôn Thiệp Trì	12.000	11.000		1.000	11.000		Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND xã Thái Đào về chủ trương đầu tư dự án Mở rộng đường trục xã từ thôn Chùa đến nhà văn hoá thôn Thiệp Trì	
26	Nghĩa trang liên xã Tân Hưng - Xương Lâm, huyện Lạng Giang	50.000	49.500		500	49.500		Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND huyện LG về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: số 2164/UBND-TH ngày 12/9/2021 của UBND huyện LG về việc chấp thuận phương án Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nghĩa Trang liên xã Tân Hưng - Xương Lâm (tỷ lệ 1/500)	
27	Xây dựng bãi rác thải tập trung	30.000	29.000		1.000	29.000		Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND xã Yên Mỹ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Giải phóng mặt bằng để xây dựng điểm tập kết rác thải thôn Thống Nhất, xã Yên Mỹ	
28	Xây dựng bãi rác thải tập trung	20.000	19.000		1.000	19.000		Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND xã Yên Mỹ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Giải phóng mặt bằng để xây dựng điểm tập kết rác thải thôn Thống Nhất, xã Yên Mỹ	
29	Xây dựng bãi rác thải tập trung	7.000			7.000			Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND xã Dương Đức về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Giải phóng mặt bằng để xây dựng điểm tập kết rác thải	
30	Xây dựng bãi rác thải tập trung	7.000	6.000		1.000	6.000		Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND xã Yên Mỹ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Giải phóng mặt bằng để xây dựng điểm tập kết rác thải thôn Thống Nhất, xã Yên Mỹ	
		<b>981.500</b>	<b>698.279</b>	<b>0</b>	<b>283.221</b>	<b>698.279</b>	<b>0</b>		
<b>III</b>									
<b>HUYỆN YÊN DŨNG</b>									
31	Đất ở tái định cư Quốc lộ 17	10.000	10.000		0	10.000		QĐ số 898/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng một số trục đường giao thông trên địa bàn huyện Yên Dũng	
32	Đất ở tái định cư đường ĐH 5B	10.000	10.000		0	10.000		NQ HĐND huyện số 16, 18, 19, 20 ngày 17/7/2019 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư dự án XD đường ĐH 5B huyện Yên Dũng	

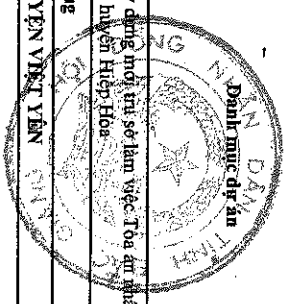
STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )			Cơ sở pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		
33	Khu đất cũ thôn Bắc xã Đông Việt	35.000	35.000		0	35.000		Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 05/04/2021 của HĐND huyện Yên Dũng về QĐ chủ trương đầu tư một số dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	
34	Mở rộng Trường mầm non	1.100	1.100		0	1.100		NQ số 75/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của UBND xã Tiên Dũng v/v QĐ Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trường mầm non Tiên Dũng	
35	Trường mầm non cụm Long Phú	2.000	500		1.500	500		NQ số 08/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND xã v/v XĐ các công trình năm 2021	
36	Mở rộng Trung tâm GDNN-GDTX Yên Dũng	1.200			1.200			CV 1029/S/GDDĐT-KHTC ngày 24/9/2019 của Sở GDĐT v/v đề nghị tiếp nhận trụ sở làm việc, Kế hoạch số 62/KH-SGDĐT ngày 21/10/2019 kế hoạch đầu tư công vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025	
37	Nhà văn hoá thôn Tân Ninh	5.000	3.000		2.000	3.000		NQ số 08/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND xã v/v XĐ các công trình năm 2021	
38	Sân thể thao thôn Hưng Thịnh	4.000	4.000		0	4.000		NQ số 08/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND xã v/v XĐ các công trình năm 2021	
39	Mở rộng khuôn viên huyện ủy	1.800			1.800			NQ số 63/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của huyện Yên Dũng giai đoạn 2021-2025	
40	Mở rộng Đài tưởng niệm liệt sĩ	1.100			1.100			NQ số 63/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của huyện Yên Dũng giai đoạn 2021-2025	
41	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa TDP Phương Sơn, TDP 1	5.000	5.000		0	5.000		QĐ số 167/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 Phê duyệt chủ trương xây dựng công trình Tuôn bao nghĩa trang TDP 1, Kèm: thị trấn Nham Biền	
42	Cụm công nghiệp Nội Hoàng	96.500	70.000		26.500	70.000		Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 05/2/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nội Hoàng	
43	Xây dựng đường nối từ ĐT 299 đi ĐT 293 (đoạn qua trạm y tế thị trấn Tân Dân cũ)	56.000	51.000		5.000	51.000		QĐ số 2426/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 v/v phê duyệt dự án xây dựng đường nối từ ĐT 293 đi ĐT 299 (đoạn qua trạm Y tế TT Tân Dân cũ)	
44	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Tân Xuân, mở rộng đường giao thông thôn Xuân Đông	3.000	3.000		0	3.000		QĐ số 5159/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND huyện Yên Dũng v/v phê duyệt báo cáo kinh tế thu nhập đầu tư xây dựng	
45	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 293 đến QL 17 tỉnh Bắc Giang	110.000	98.000		12.000	98.000		Số: 4633/UBND-KTIN ngày 09/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh v/v nghiên cứu, lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án xây dựng công trình giao thông	
46	Xây dựng đường trục xã đoạn từ 398 đi UBND xã	6.000			6.000			QĐ 1135/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cải tạo nâng cấp đường DHT Làng Cát - Khê Cầu, đoạn từ ĐT 398 đi thôn Cầu Đường	
47	Đường lên núi non vua	70.000			70.000			NQ số 02/NQ-HĐND ngày 05/4/2021 v/v QĐ chủ trương đầu tư một số công trình dự án sử dụng vốn đầu tư công của huyện Yên Dũng giai đoạn 2021-2025	
48	Mở rộng đền Thanh Nhân	1.000			1.000			Công văn số 396/SVHTTDL-QLDSVH của Sở VH, TT & DL về việc thỏa thuận Dự án tu bổ, tôn tạo Đền Thanh Nhân, TT Nham Biền	
49	Mở rộng thien viện Trúc lâm Phương Hoàng tại TDP Minh Phương	50.000			50.000			Công văn số 06/2021/TT-TVTLPH ngày 18/6/2021 của Hội Phật giáo	



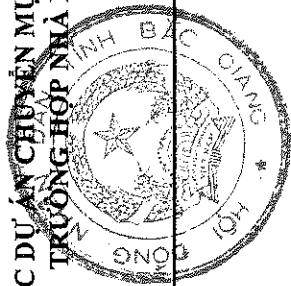


STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )		Căn cứ pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
50	 Cải tạo đường dây 220 kv- TT Nham Biền và các xã Lão Hồ, Đông Phúc, Đông Việt, Tân Liễu, Yên Lũ, Tư Mai, TT Tân An, Trĩ Yên Quỳnh Sơn, Xuân Phú, Hương Gián	20.000	10.000		10.000	10.000		CV 74/UBND-CN ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v chấp thuận hướng tuyến đư ăn cái tạo đường dây 220kv
<b>TỔNG</b>		488.700	300.600	0	188.100	300.600	0	
<b>IV HUYỆN LỤC NAM</b>								
51	Dự án khu dân cư mới Chiềng Hàng, thôn Va	2.500,0	2.500,0			2.500,0		Nghị quyết số 35/NQ-HBND ngày 15/01/2021 về việc chủ trương thực hiện dự án
52	Đường hoàn trả xây dựng TTYT huyện	12.000,0	11.000,0		1.000,0	11.000,0		Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư
53	Mở rộng bãi xử lý rác thải thị trấn Đồi Ngô (Phố Chàng)	2.000,0	1.600,0		400,0	1.600,0		Nghị quyết số 53/NQ-HBND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện về việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng bãi xử lý rác tập trung, điểm thu gom rác thải và hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Lục Nam; Nghị quyết số 87/NQ-HBND ngày 17/12/2020 về việc hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội năm 2021;
54	Xử lý rác thải khu: Yên Sung và xứ đồng Cầu Gạo (thôn Hồ Nước)	5.000,0			5.000,0	0,0		Nghị quyết số 53/NQ-HBND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện về việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng bãi xử lý rác tập trung, điểm thu gom rác thải và hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Lục Nam; Nghị quyết số 87/NQ-HBND ngày 17/12/2020 về việc hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội năm 2021;
55	Xây dựng bãi rác xã Phương Sơn (Thôn Khiêu)	7.000,0			7.000,0			Nghị quyết số 53/NQ-HBND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện về việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng bãi xử lý rác tập trung, điểm thu gom rác thải và hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Lục Nam; Nghị quyết số 87/NQ-HBND ngày 17/12/2020 về việc hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội năm 2021;
56	Nghĩa Trang nhân dân thôn Trương Khanh	5.000,0			5.000,0			Nghị quyết số 97/NQ-HBND ngày 27/9/2020 về việc chủ trương thực hiện dự án
<b>TỔNG</b>		33.500,0	15.100,0	0,0	18.400,0	15.100,0	0,0	
<b>V HUYỆN HIỆP HÒA</b>								
57	Trường THCS Mai Trung, huyện Hiệp Hòa; Hàng mục: Mở rộng khuôn viên nhà trường và xây dựng nhà 2 tầng 6 phòng học	6.000,0	6.000,0			6.000,0		Nghị quyết số 15/NQ-HBND ngày 09/8/2021 của HĐND xã Mai Trung về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình
58	Trường mầm non Hợp Thịnh (thôn Đồng Đạo)	500,0	500,0			500,0		Nghị quyết số 14/NQ-HBND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang
59	Trường tiểu học số 1 Hợp Thịnh (thôn Gò Pháo)	3.500,0	3.000,0		500,0	3.000,0		Nghị quyết số 14/NQ-HBND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang

STT	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )					Diện tích chuyển mục đích sử dụng (m <sup>2</sup> )			Căn cứ pháp lý
		Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đất hoa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Đất khác (m <sup>2</sup> )	Đất hoa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			
60	Xây dựng mới trụ sở làm việc, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa	5.000,0	5.000,0						Quyết định số 123/QĐ-TANDTC-KHHC ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân tối cao	
VI	<b>HUYỆN VIỆT YÊN</b>	<b>4</b>	<b>15.000,0</b>	<b>14.500,0</b>	<b>0,0</b>	<b>500,0</b>	<b>14.500,0</b>	<b>0,0</b>		
61	Xây dựng mới trường Tiểu học Tư Lạn	17.000	17.000						Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/1/2020 của HĐND huyện Việt Yên về kế hoạch đầu tư công huyện Việt Yên giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương	
62	Xây dựng mới trường THCS Hương Mai	6.400	6.400						Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/1/2020 của HĐND huyện Việt Yên về kế hoạch đầu tư công huyện Việt Yên giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương	
63	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Minh Đức (thôn Chừa)	2.000	2.000						Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Việt Yên về việc thông qua danh mục dự án dự kiến đầu tư công nguồn ngân sách huyện năm 2022	
64	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 298 với đường vành đai IV (Đoạn Đường Yên Ninh + Trần Đăng Tuyển TT Ninh)	275.400	98.000		177.400		98.000		Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15/1/2020 của HĐND huyện Việt Yên, Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/1/2020 của HĐND huyện Việt Yên về kế hoạch đầu tư công huyện Việt Yên giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương	
65	Tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 298 đi KCN Thương Lạn	150.000	95.000		55.000		95.000		Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/1/2020 của HĐND huyện Việt Yên về kế hoạch đầu tư công huyện Việt Yên giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương	
66	Xây dựng mở rộng trụ sở UBND thị trấn Bích Động	3.000	3.000				3.000		Nghị quyết 40/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND thị trấn Bích Động	
67	Xây dựng Khu dân cư thôn Khả Lý Thượng	20.000	20.000				20.000		Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/1/2020 của HĐND huyện Việt Yên về kế hoạch đầu tư công huyện Việt Yên giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện	
68	Khu dân cư Bãi Xanh, Trúc Tay	46.000	36.800		9.200		36.800		Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/1/2020 của HĐND huyện Việt Yên về kế hoạch đầu tư công huyện Việt Yên giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách huyện	
<b>TỔNG</b>		<b>8</b>	<b>519.800</b>	<b>278.200</b>	<b>-</b>	<b>241.600</b>	<b>278.200</b>	<b>-</b>		
<b>VII HUYỆN TÂN YÊN</b>										
69	Dự án xây dựng nghĩa trang An Lạc Viên	113.000,0	4.300,0		108.700,0		4.300,0		Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Yên, Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang An Lạc Viên, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tỷ lệ 1/500	
<b>TỔNG TOÀN TỈNH</b>		<b>69</b>	<b>2.415.600,0</b>	<b>1.515.879,0</b>	<b>0,0</b>	<b>899.721,0</b>	<b>1.515.879,0</b>	<b>0,0</b>		



**CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG Lúa DƯỚI 10 HA, ĐẤT RỪNG PHÒNG LỬA DƯỚI 20 HA KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT HOẶC THU HỒI ĐẤT VÌ MỤC ĐÍCH QUỐC PHÒNG, AN NINH THEO ĐIỀU 61 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013**



(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất		Căn cứ pháp lý
			Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ BẮC GIANG</b>				
1	Dự án đầu cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ phường Mỹ Độ	Mỹ Độ	3.600,0		Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 9/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2019
<b>II</b>	<b>HUYỆN YÊN THẾ</b>				
2	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với đất xen kẹt, nhỏ hẹp do UBND xã, thị trấn quản lý	Huyện Yên Thế	7.000		Kế hoạch SDD 2021
3	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cây lâu năm (để thực hiện CT19)	Huyện Yên Thế	99.000		Kế hoạch SDD 2021
4	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất ở nông thôn(để thực hiện CT19)	Huyện Yên Thế	5.000		Kế hoạch SDD 2021
5	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất ở nông thôn(để thực hiện CT19)	Huyện Yên Thế	5.000		Kế hoạch SDD 2021
6	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản (để thực hiện CT19)	Huyện Yên Thế	50.000		Kế hoạch SDD 2021
<b>III</b>	<b>HUYỆN VIỆT YÊN</b>				

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất		Cơ sở pháp lý
			Đất lúa (m <sup>2</sup> )	Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
7	Dự án xây dựng Khu thương mại dịch vụ đồng Ba Góc, thôn Núi Hiên	Quang Châu	1.600		Quyết định số 9718/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện Yên Yên về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án (Điều chỉnh từ biểu thu hồi, chuyển mục đích tại Nghị quyết 20/NQ-HĐND sang biểu chuyển mục đích sử dụng)
8	Quy hoạch xây dựng kho vũ khí của Tỉnh	Xã Văn Trung	1.000		Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Yên; Công văn số 372/HĐND-CTHĐND ngày 26/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án xây dựng kho vũ khí đạn (Đai đội 29) Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang tại thôn Văn Vân Cốc, xã Văn Trung huyện Yên Yên của Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang.
9	Xây dựng trụ sở công an TT Bích Động	TT. Bích Động	2.000		Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Yên Yên; Nghị quyết 40/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND thị trấn Bích Động về việc thông qua danh mục dự án đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND thị trấn Bích Động về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2011 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
<b>IV HUYỆN LÚC NAM</b>					
10	Dự án nuôi trồng thủy sản	xã Lan Mẫu	80.000,0		QĐ số 1266/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư
<b>TỔNG</b>			<b>10</b>	<b>254.200</b>	<b>0</b>

